TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1201/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2022
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Yến
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Bà Nguyễn Thị Nhơn
2.Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 991/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông N Q H; địa chỉ: Số 188C đường Quán Thánh, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà C T X Tr; địa chỉ thường trú: Số 125 Đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Số 009 Lô G, khu dân cư Miếu Nổi, Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các bản trình bày và biên bản ghi nhận ý kiến, nguyên đơn là ông N Q H trình bày: Ông và bà C T X Tr có quan hệ tình cảm, đến năm 2020 thì chung sống với nhau n H không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống do đôi bên bất đồng về quan điểm sống nên nảy sinh mâu thuẫn. Vì đời sống không hạnh phúc nên từ cuối năm 2020, ông bà không còn chung sống với nhau nữa. Nay ông xin ly hôn với bà Tr.

Về con: Ông và bà Tr có 02 con chung là Ngô A Tr sinh ngày 03/4/2020 và Ngô M A sinh ngày 28/02/2021. Ông đồng ý giao hai con cho bà Tr nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/trẻ/tháng.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các bản trình bày và biên bản ghi nhận ý kiến -bị đơn là bà C T X Tr trình bày: Bà và ông H sống chung n H không đăng ký kết hôn. Do đôi bên mâu thuẫn về quan điểm sống, tính tình không hợp nên từ tháng 6 năm 2020 đến nay, ông bà không còn chung sống với nhau nữa. Bà đồng ý ly hôn với ông H.

Về con: Bà yêu cầu được trức tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Ngô A Tr sinh ngày 03/4/2020 và Ngô M A sinh ngày 28/02/2021. Bà đồng ý với mức cấp dưỡng ông H đã đưa ra.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận đôi bên chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn và bị đơn cũng chấp nhận. Xét, các đương sự không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn.

[3.2].Về con chung: Căn cứ bản sao giấy khai sinh số 104 do Ủy ban nhân dân phường X, Quân Y, Thành phố H cấp ngày 25/5/2020 và bản sao giấy khai sinh số 285 do Ủy ban nhân dân phường X, Quân Y, Thành phố H cấp ngày 20/12/202, lời khai nhận của nguyên đơn, bị đơn có đủ cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn có hai con chung là Ngô A Tr sinh ngày 03/4/2020 và Ngô M A sinh ngày 28/02/2021. Bị đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi con và nguyên đơn cũng đồng ý giao con cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất nguyên đơn sẽ cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/trẻ/tháng. Xét, sự thỏa thuận của các đươgn sự về người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3]. Về tài sản: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4]. Về án phí: Án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, nguyên đơn phải nộp.

Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, ông H phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông N Q H và bà C T X Tr.

2. Về con: Giao cho bà C T X Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai trẻ Ngô A Tr sinh ngày 03/4/2020 và Ngô M A sinh ngày 28/02/2021. Ông N Q H cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng (Bằng chữ: Hai triệu năm trăm ngàn đồng)/trẻ/tháng. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nêu trên thì ông H còn phải trả cho bà Tr tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, ông N Q H phải nộp n H được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0049759 ngày 18/5/2022 của Chi cục thi hành án quận Bình Thạnh, ông H đã nộp đủ án phí ly hôn. Ông H phải nộp thêm 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5.Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự
- TAND Tp.H;
- VKSND Q.BT;
- THA DS Q.BT;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Trần Thị Yến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**